

一日三餐

1. zhǎo yi zhǎo zhè xiē shì shén me shí wù 【food】?

米饭 面条 水果 肉 鱼 虾 面包 包子 蛋 蔬菜



miàn tiáo



xiā



mǐ fàn



yú



miàn bāo



shū cài



dàn



bāo zi



ròu



shuǐ guǒ

2. zhǎo yi zhǎo zhè xiē shì shén me yǐn liào?

咖啡 果汁 牛奶 水 可乐 奶茶 茶



guǒ zhī



niú nǎi



kā fēi



chá



nǎi chá



shuǐ

3. nǐ chī le duō shǎo hē le duō shǎo?

碗 块 片 条 只 个 盘 瓶 杯 罐

1) 我吃喝了一_____



牛奶

2) 我吃喝了四_____



鸡

3) 我吃喝了一_____



面条

4) 我吃喝了两_____



西瓜

5) 我吃喝了一_____



鱼

6) 我吃喝了一_____



果汁

7) 我吃喝了一_____



可乐

8) 我吃喝了六_____



虾

9) 我吃喝了一_____



面包

10) 我吃喝了两_____



包子

11) 我吃喝了一_____



米饭

4. 按要求分类 *Classify as required*

yǐn liào

饮料 (Beverages) : _____

zhǔ shí

主食 (Staple foods) : _____

hūn cài

荤菜 (Meat) : _____

mǐ fàn
米饭

shū cài
蔬菜

kā fēi
咖啡

miàn tiáo
面条

niú nǎi
牛奶

miàn bāo
面包

jī dàn
鸡蛋

guǒ zhī
果汁

niú ròu
牛肉

yáng ròu
羊肉

dà xiā
大虾

sān wén yú
三文鱼

chá
奶茶

kě lè
可乐